

Số:/BC-REX

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Trung tâm Y tế Quận 1

BÁO CÁO
Y TẾ LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ LAO ĐỘNG
Báo cáo cả năm 2022

(Cơ sở lao động gửi báo cáo về Trung tâm Y tế (dự phòng) quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh. Đối với cơ sở trực thuộc bộ, ngành gửi thêm 01 bản về đơn vị y tế bộ, ngành)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở lao động: **KHÁCH SẠN BẾN THÀNH (REX)**

2. Trực thuộc: tỉnh/thành phố bộ, ngành

3. Địa chỉ: 141 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên hệ: (028)38 292 185.

Email: rexhotel@rex.com.vn

Fax: (028) 3829 6536.

4. Mặt hàng sản xuất, dịch vụ chính: Nhà hàng – Khách Sạn.

5. Số người lao động:

5.1. Tổng số: 411 người. Trong đó nữ: 140 người.

5.2. Số lao động trực tiếp sản xuất: 372 người. Trong đó nữ: 116 người.

5.3. Số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm: 55 người, trong đó nữ: 10 người.

6. Lập hồ sơ vệ sinh lao động theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP:

Có

Không

7. Tổ chức bộ phận y tế

7.1. Người làm công tác y tế: Có Không

Nếu có, ghi rõ thông tin về người làm công tác y tế tại cơ sở lao động:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số điện thoại liên hệ	Chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động (có/không)
1	Lê Thiện Anh Tuấn	Bác sĩ	0903980961	

7.2. Trạm/phòng y tế/phòng khám /bệnh viện: Có Không

Nếu có, ghi cụ thể hình thức tổ chức: phòng khám

7.3. Thuê, hợp đồng với đơn vị y tế: Có Không

Nếu có, ghi rõ:

- Tên cơ sở cung cấp dịch vụ: CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CLINPHARM- Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Golden Healthcare.

- Địa chỉ: 37 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q. Tân Bình, TP. HCM.

- Số điện thoại liên hệ: (028)0369 031 818.

- Nội dung cung cấp dịch vụ: Khám sức khỏe định kỳ.

- Thời gian cung cấp dịch vụ: 01/01/2022 – 31/12/2022.

8. Lực lượng sơ cứu tại nơi làm việc (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh): 20 người.

Số lượng người lao động tham gia lực lượng sơ cứu: 20 người - Trong đó số nữ: 03 người.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo (của các cơ quan chức năng đối với cơ sở lao động)

TT	Ngày kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Ghi chú
-	-	-	-	-

II. Điều kiện lao động và số lao động tiếp xúc với yếu tố có hại (kết quả quan trắc gần nhất)

Đơn vị quan trắc: Công ty Cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú.

Ngày quan trắc: Ngày 08/03/2022.

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu		Số mẫu không đạt		Số lao động tiếp xúc	
		Silic	Khác	Silic	Khác	Tổng số	Trong đó số nữ
1	Nhiệt độ	05		0			
2	Độ ẩm	05		0			
3	Tốc độ gió	05		0			
4	Bức xạ nhiệt	0		0			
5	Ánh sáng	05		0			
6	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác		
	- Bụi toàn phần		01		0		
	- Bụi hô hấp		01		0		
	- Các loại bụi khác	0		0			
7	Ồn	05		0			
8	Rung	01		0			
9	Hơi khí độc	03		0			
10	Phóng xạ	0		0			
11	Điện từ trường	0		0			
12	Yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp	0		0			
13	Đánh giá yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my	0		0			
14	Các yếu tố khác	0		0			
	Tổng cộng	31		0			

III. Nghỉ việc do ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp:

Thời gian		Ôm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp				Tổng số			
Quý	Tháng	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	1	7	1,7%	53	7,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	7	1,7%	53	7,5%
	2	6	1,45%	45	7,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	6	1,45%	45	7,5%
	3	38	9,2%	268	7,05%	0	0	0	0	0	0	0	0	38	9,2%	268	7,05%
II	4	5	1,2%	18	3,6%	0	0	0	0	0	0	0	0	5	1,2%	18	3,6%
	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	6	2	0,48%	11	5,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,48%	11	5,5%
III	7	4	0,97%	20	5%	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0,97%	20	5%
	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	9	1	0,2%	4	4%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	4	4%
IV	10	1	0,2%	3	3%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	3	3%
	11	2	0,48%	51	25,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,48%	51	25,5%
	12	2	0,48%	25	12,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,48%	25	12,5%
Cộng		68	16,36%	498	81,15%	0	0	0	0	0	0	0	0	68	16,36%	498	81,15%

Ghi chú:

- Cột 2, 14: tỷ lệ % so với tổng số người lao động.
- Cột 6: tỷ lệ % so với tổng số người lao động trực tiếp sản xuất.
- Cột 10: tỷ lệ % so với tổng số người lao động tiếp xúc với các yếu tố có hại.
- Cột 4, 8, 12, 16: số ngày trung bình (được tính bằng tổng số ngày nghỉ/tổng số người nghỉ do từng nguyên nhân).

V. Tình hình bệnh tật và tai nạn lao động

TT	Nhóm bệnh	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
I. Thống kê tổng số trường hợp mắc các loại bệnh thông thường:									
1	Lao phổi	0	0	0	0				
2	Ung thư phổi	0	0	0	0				
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp	0	0	0	0				
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn	0	0	0	0				
5	Viêm phế quản cấp	0	0	0	0				
6	Viêm phế quản mãn	0	0	0	0				
7	Viêm phổi	0	0	0	0				
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng	0	0	0	0				
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT	0	0	0	0				
10	Nội tiết	0	0	0	0				
11	Bệnh tâm thần	0	0	0	0				
12	Bệnh thần kinh tr/ương và ngoại biên	0	0	0	0				
13	Bệnh mắt	0	0	0	0				
14	Bệnh tai	0	0	0	0				
15	Bệnh tim mạch	0	0	0	0				
16	Bệnh dạ dày, tá tràng	0	0	0	0				
17	Bệnh gan, mật	0	0	0	0				
18	Bệnh thận, tiết niệu	0	0	0	0				
19	Bệnh phụ khoa/số nữ	0	0	0	0				
20	Sảy thai/số nữ có thai	0	0	0	0				
21	Bệnh da	0	0	0	0				
22	Bệnh cơ, xương khớp	0	0	0	0				
23	Bệnh sốt rét	0	0	0	0				
24	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)	0	0	0	0				
	Cộng	0	0	0	0				
II. Các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp									
	Bệnh nghề nghiệp	0	0	0	0				
III. Các trường hợp tai nạn lao động		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
	Tai nạn lao động	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0

Thống kê kết quả khám, chẩn đoán của người lao động tự đi khám hoặc phân loại bệnh thông qua khám sức khỏe định kỳ hoặc khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp tại cơ sở lao động.

VI. Phân loại sức khỏe:

Đơn vị khám: CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CLINPHARM- Phòng khám Đa Khoa Quốc tế Golden Healthcare.

Đợt 1: 26/05/2022

NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TỶ LỆ %	NAM	TỶ LỆ %	NỮ	TỶ LỆ %
Tổng cộng	264	100%	182	100%	82	100%
Loại I	03	0%	0	100%	3	1%
Loại II	194	64%	125	36%	69	73%
Loại III	59	86%	51	14%	8	22%
Loại IV	06	67%	04	33%	02	2%

Đợt 2: 21/11/2022

NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TỶ LỆ %	NAM	TỶ LỆ %	NỮ	TỶ LỆ %
Tổng cộng	136	95%	76	56%	59	44%
Loại I	7	5%	6	86%	1	14%
Loại II	116	86%	60	52%	56	48%
Loại III	12	9%	10	83%	2	17%

VII. Công tác huấn luyện

TT	Nội dung huấn luyện	Số lượng người được huấn luyện		Đơn vị huấn luyện	Ngày huấn luyện
		Tổng số	Số nữ		
1	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 1	05	02	Trung tâm Quốc gia ATVSLĐ	Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 01/2024
2	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2	0	0	Trung tâm Quốc gia ATVSLĐ	Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 12/2022
3	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3	04	00	Trung tâm Quốc gia ATVSLĐ	Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 12/2023 02,03 và 09/2024
4	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 4	339	136	Trung tâm Quốc gia ATVSLĐ	Đã đào tạo , chứng nhận có

					giá trị đến 10/2023
5	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 5	0	0		Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 12/2022
6	Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 6	0	0		Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 12/2022
7	Huấn luyện lực lượng sơ cứu	09	02		Đã đào tạo , chứng nhận có giá trị đến 09/2023

VIII. Kinh phí chi trả cho công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động

Stt	Nội dung hoạt động	Số tiền	Ghi chú
1	Khám sức khỏe định kỳ	176,075,000	02 đợt khám
2	Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	0	
3	Khám định kỳ bệnh nghề nghiệp	0	
4	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	0	
5	Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu	0	
6	Quan trắc môi trường lao động	965,000	Đồng
7	Bồi thường tai nạn lao động	0	
8	Bồi thường bệnh nghề nghiệp	0	
9	Chi phí điều trị các bệnh thông thường tại cơ sở LĐ	0	
10	Chi phí liên quan khác	0	
	Tổng cộng	177,040,000	Đồng

IX. Các kiến nghị và kế hoạch dự kiến trong kỳ báo cáo tới

Thủ trưởng đơn vị

Người báo cáo

PHAN THANH LONG

LÊ ĐĂNG HUY